|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** |  **KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP TỈNH** |
| **QUẢNG NAM** | **Năm học 2020 – 2021** Môn thi : **Ngữ văn**

|  |  |
| --- | --- |
|  |    |

 |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

*(HDC có 4 trang)*

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Giám khảo cần nắm bắt được nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá một cách tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Cần chủ động và linh hoạt khi vận dụng *Hướng dẫn chấm* này.

- Đặc biệt trân trọng những bài viết có cách diễn đạt chặt chẽ, mạch lạc, giàu hình ảnh và cảm xúc; có cách nhìn riêng, cách trình bày riêng, sáng tạo nhưng hợp lý.

*-* Điểm toàn bài là tổng số điểm của ba câu*,* không làm tròn số và tính lẻ đến 0.25 điểm.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

**Câu 1 (4,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **a. Phép điệp:**- Chỉ ra:+ Điệp từ: *Cha.*+ Điệp cấu trúc: *Cha - người phu xe già vô tư, (…), Cha - con cò già siêng học.* - Tác dụng:+ Tạo âm hưởng, nhạc điệu cảm xúc cho lời thơ.+ Làm nổi bật hình ảnh người cha với tình yêu thương con sâu đậm. | 1,01,0 |
| b. **Những cảm xúc trước tâm sự của người cha:***Cần đáp ứng được 2 trong 3 ý sau:*- Yêu kính, cảm động trước tình thương yêu con của người cha.- Thấu hiểu, tôn quý và biết ơn đối với cha mẹ.- Khát khao có người cha biết quan tâm và yêu thương con. | 2,0 |

**Câu 2 (6,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **I. Yêu cầu về kĩ năng**Thí sinh tổ chức bài văn nghị luận xã hội có 3 phần: *Giới thiệu vấn đề; Giải quyết vấn đề; Kết thúc vấn đề.*-Vận dụng tốt các kĩ năng làm bài văn nghị luận xã hội về tư tưởng đạo lý; kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận; huy động tốt tri thức, trải nghiệm khi lập luận, dẫn chứng thuyết phục.- Hành văn mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt. |  |
| **II. Yêu cầu về nội dung**Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số nội dung cơ bản mang tính định hướng dưới đây:***1. Giải thích:***- *Hoàn cảnh*: Bối cảnh đời sống tại một thời điểm, giai đoạn nào đó. Ở đây chỉ hoàn cảnh sống có nhiều khó khăn, thử thách. - *Chi phối*: Tác động, điều khiển…- *Đồng minh*: Đối tượng cùng gắn kết liên minh, cùng cộng tác. Ở đây chỉ cơ hội tốt, tiền đề tích cực. - Câu ngạn ngữ nói về những thái độ ứng xử khác nhau của con người trước hoàn cảnh sống, đặc biệt là hoàn cảnh khó khăn: Kẻ nhu nhược phụ thuộc vào hoàn cảnh, mặc cho hoàn cảnh đưa đẩy; người thông thái thì chủ động ứng phó, tìm kiếm cơ hội từ hoàn cảnh.***2. Bàn luận (Suy nghĩ và bài học về cách ứng xử trước khó khăn)****a. Suy nghĩ về thái độ ứng xử trước khó khăn* - Hoàn cảnh luôn tác động đến đời sống con người. Trong đó, khó khăn, thử thách là trở ngại tất yếu trên con đường đến với ước mơ, mục tiêu càng cao, thách thức càng lớn. - Thái độ của con người trước hoàn cảnh có ý nghĩa to lớn trong hành trình vươn đến thành công và khẳng định giá trị bản thân. Nhất là thái độ ứng xử trước những khó khăn, thử thách:+ Kẻ nhu nhược là kẻ tự ti, thiếu nghị lực và niềm tin nên sẽ không đủ dũng khí để đối mặt; không đủ sáng suốt để tìm giải pháp; không đủ quyết tâm để vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, kẻ nhu nhược trở nên yếu thế, thụ động và bị hoàn cảnh chi phối. + Người thông thái có tri thức, tầm nhìn sâu rộng nên hiểu rõ và đánh giá đúng tác động của hoàn cảnh, xác định được giải pháp để thích ứng và khắc phục, biến gian nguy thành cơ hội. Vì vậy, người thông thái luôn vững vàng trước hoàn cảnh, làm chủ hoàn cảnh.- Câu ngạn ngữ thông qua việc đúc kết về cách ứng xử trước hoàn cảnh sống của từng kiểu người để định hướng cho mỗi cá nhân một tâm thế, thái độ tích cực: Hãy làm người thông thái.*b. Bài học nhận thức và hành động:*  + Nhận thức được sự tác động của hoàn cảnh đến cuộc sống con người. + Thấy được vai trò, tầm quan trọng việc trở thành “*người thông thái*” đối với giá trị cá nhân: Khi con người vững vàng trước hoàn cảnh, con người đã đứng cao hơn hoàn cảnh.+ Hành động: Nỗ lực học tập, trải nghiệm và rèn luyện để nâng cao tầm hiểu biết và nghị lực sống, sẵn sàng đối mặt, coi khó khăn, thử thách là cơ hội để rèn luyện bản lĩnh. | 1,03,51,5 |

**Câu 3 (10,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **I. Yêu cầu về kĩ năng**- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài nghị luận văn học.- Bài viết phải có bố cục chặt chẽ, rõ ràng; kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận; diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: *Giới thiệu vấn đề; Giải quyết vấn đề; Kết thúc vấn đề.* |  |
| **II. Yêu cầu về kiến thức**- Thí sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng được kiến thức lý luận văn học và kiến thức về hai tác phẩm để giải thích, chứng minh:*“Văn học đem lại cho con người niềm vui trong sáng trước cái đẹp của sự sống”.*- Sau đây là một số nội dung cơ bản mang tính định hướng: |  |
| ***1. Giải thích:****-**Cái đẹp của sự sống:* Vẻ đẹp có trong sự sống của tự nhiên, xã hội và con người.*- Niềm vui trong sáng:* Những rung động, cảm xúc, thái độ chân thành, sâu sắc có giá trị nhân văn và thẩm mỹ.*-**Ý cả câu:* Văn học khơi dậy trong con người nhữngrung cảm thẩm mỹ, tình cảm đích thực, chân thành trước cái đẹp của sự sống. ***2. Lý giải:*** - Văn học luôn hướng đến biểu hiện cái đẹp của sự sống.+ Từ lòng khao khát về những điều tốt đẹp, các tác giả hướng đến khám phá, phát hiện cái đẹp muôn màu của sự sống với thái độ trân trọng, yêu mến thiết tha.+ Cái đẹp của sự sống hiện ra trong văn học vô cùng đa dạng: Cái đẹp của tự nhiên, của đời sống, sâu sắc nhất là cái đẹp của hồn người.- Từ đó, văn học mang đến cho con người niềm vui trong sáng trước cái đẹp.+ Tác phẩm văn học mang đến cho ta những khám phá mới mẻ, thú vị về cái đẹp bí ẩn, phong phú; khơi dậy trong ta những rung cảm mãnh liệt, những cảm xúc trong sáng trước vẻ đẹp muôn màu. + Từ đó, văn học bồi đắp cho ta năng lực cảm nhận cái đẹp, trau dồi trong ta những tình cảm, lý tưởng cao đẹp đối với cuộc đời, con người.- Khả năng ấy của văn học được chắp cánh trong những hình thức nghệ thuật biểu hiện đầy sáng tạo.***3. Chứng minh****2.1. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của nhà văn Nguyễn Thành Long:*- Truyện mang lại cho người đọc những cung bậc cảm xúc thú vị trước vẻ đẹp thật *lặng lẽ mà xôn xao* của thiên nhiên và con người:+ Ngạc nhiên, say đắm trước vẻ đẹp trong trẻo của thiên nhiên. + Cảm phục vẻ đẹp trong lý tưởng, lối sống đầy nhiệt huyết của con người qua các nhân vật, nhất là anh thanh niên. Đó là những con người yêu nước, yêu lao động, lặng lẽ cống hiến trí tuệ, sức lực của mình cho đất nước; có lối sống giản dị, thanh cao; có tình người thân thiện, hồn hậụ. - Từ đó, truyện bồi đắp cho con người niềm tin yêu vào cuộc sống lao động, vào vẻ đẹp của những sự hy sinh lặng thầm cho đời sống. - Nghệ thuật dẫn truyện tự nhiên, ngôn ngữ giàu biểu cảm, chân dung nhân vật sống động đã tạo ra chất thơ sâu lắng làm nổi bật chủ đề.*2.2. Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải:*- Bài thơ gieo vào tâm thức người đọc những cảm xúc, rung động mới mẻ về mùa xuân:+ Cảm xúc thích thú, say đắm trước thiên nhiên mùa xuân.+ Niềm tin yêu, tự hào về sức sống của mùa xuân đất nước+ Niềm cảm phục, yêu mến trước tâm hồn và lẽ sống đầy sức xuân của nhà thơ. Đó là tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc đời, là trái tim hướng về cuộc sống lớn của đất nước với niềm tin yêu, tự hào thiết tha; là ước nguyện cống hiến khiêm tốn mà mãnh liệt cho đất nước. - Bài thơ gọi dậy trong ta niềm yêu mến, trân trọng và tâm nguyện vun xới những “*mùa xuân nho nhỏ*” trong đời.- Thể thơ năm chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh giản dị, gợi cảm, lối so sánh ẩn dụ và sáng tạo đã lan tỏa ý nghĩa bài thơ tự nhiên mà sâu sắc.***3. Đánh giá:***- Nhận định đã đánh giá xác đáng thiên chức khám phá cái đẹp, bồi đắp tâm hồn của văn học và gợi mở những suy ngẫm về vai trò người nghệ sĩ. Để đem lại cho con người niềm vui trong sáng trước cái đẹp của sự sống, tác giả không chỉ sống sâu với cuộc sống mà còn phải trau dồi tài năng nghệ thuật.- Hai tác phẩm trên thực sự đã chứng tỏ được giá trị của văn học đối với cuộc đời: *Mang đến niềm vui trong sáng trước vẻ đẹp sự sống.*  |   1,0 2,03,03,01,0 |

**...........Hết..........**